

Số: 46 /2021 CV/VCS-QHCB

V/v: Giải trình chênh lệch báo cáo kết quả kinh
doanh riêng công ty mẹ Quý I năm 2021

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty") mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng công ty mẹ Quý I năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 chi tiết như sau:

I. Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Quý I.2021	Quý I.2020	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	1,526,586,863,963	1,344,228,739,065	182,358,124,898	13.57
11	Giá vốn hàng bán	1,031,903,318,049	921,785,502,555	110,117,815,494	11.95
20	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	494,683,545,914	422,443,236,510	72,240,309,404	17.10
21	Doanh thu hoạt động tài chính	10,728,143,043	11,987,898,312	(1,259,755,269)	(10.51)
22	Chi phí tài chính	11,126,904,716	36,267,379,489	(25,140,474,773)	(69.32)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	9,691,670,526	12,460,264,438	(2,768,593,912)	(22.22)
25	Chi phí bán hàng	46,241,846,944	30,636,687,087	15,605,159,857	50.94
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9,920,111,973	14,868,648,550	(4,948,536,577)	(33.28)
30	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	438,122,825,324	352,658,419,696	85,464,405,628	24.23
31	Thu nhập khác	328,064,355	351,209,509	(23,145,154)	(6.59)
32	Chi phí khác	9,527,793,961	3,708,997,736	5,818,796,225	156.88
40	Lợi nhuận khác	(9,199,729,606)	(3,357,788,227)	(5,841,941,379)	173.98
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	428,923,095,718	349,300,631,469	79,622,464,249	22.79
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	64,433,355,197	52,217,098,863	12,216,256,334	23.40
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	364,489,740,521	297,083,532,606	67,406,207,915	22.69



II. Nguyên nhân biến động


Bằng những giải pháp để thúc đẩy bán hàng và quản trị chi phí, doanh thu và lợi nhuận của Công ty Quý I năm 2021 tăng cao so với cùng kỳ năm trước, tạo tiền đề để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm đã đề ra.

Cụ thể từng chỉ tiêu như sau:

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 182,358,124,898 đồng (13.57%), do số lượng thành phẩm, hàng hóa bán ra tăng
2. Giá vốn bán hàng tăng 110,117,815,494 đồng (11.95%), Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 72,240,309,404 đồng (17.1%). Tốc độ tăng lợi nhuận gộp nhanh hơn so với tốc độ tăng doanh thu bán hàng do Công ty thực hiện tốt các biện pháp quản trị chi phí.
3. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 1,259,755,269 đồng (10.51%) do:
 - Lãi tiền gửi, tiền cho vay giảm 2,025,183,926 đồng (35.88%)
 - Doanh thu tài chính khác giảm 675,701,547 đồng (100.0%)
 - Lãi chênh lệch tỷ giá tăng: 1,441,130,204 đồng (25.43%)
4. Chi phí tài chính giảm 25,140,474,773 đồng (69.32%) do:
 - Chi phí lãi vay giảm: 2,768,593,912 đồng (22.22%)
 - Lỗ chênh lệch tỷ giá giảm: 22,371,880,861 đồng (93.97%)
5. Chi phí bán hàng tăng 15,605,159,857 đồng (50.94%) do doanh thu hàng bán tăng lên, trong đó:
 - Chi phí vật liệu, dụng cụ cho bán hàng tăng 5,200,870,361 đồng
 - Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác tăng 11,901,920,591 đồng
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 4,948,536,577 đồng (33.28%) chủ yếu do chi phí nhân viên quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí dịch vụ mua ngoài giảm.

Như vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng 79,622,464,249 đồng (22.79%), lợi nhuận sau thuế tăng: 67,406,207,915 đồng (22.69 %) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do Doanh thu bán hàng tăng, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm.

Xin chân thành cảm ơn ./.

Nơi nhận: 

- Như trên
- Lưu Ban QHCD,
- Lưu VT, TCKT




TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn

